

目から鱗！これがニッポンの当たり前？

信じる者は救われる！？ゲン担ぎから学ぶ良い習慣の身につけ方

Mở mang tầm mắt! Đó là điều đương nhiên ở Nhật?

Người tin tưởng sẽ được cứu giúp!

Học cách hình thành thói quen tốt từ ゲン担ぎ

皆さんは、「ゲン担ぎ」という言葉を聞いたことがありますか？一言で言うと、「良い結果になることを願って行う行為や行動」のことです。例えば、入社試験や受験のような勝負事に「勝つ」という願いを込めてトンカツを食べる、運気が上がることを願って「ついている」という言葉を意識して使う、というようなことです。一見ダジャレみたいだったり、おまじないのようなものもありますが、実は普段の生活において大切な要素もたくさん含まれています。

今月は、そんな日本人が行う「ゲン担ぎ」から学びを深めていきましょう。

Bạn đã bao giờ nghe đến thuật ngữ “ ゲン担ぎ chưa? Nói một cách đơn giản, đó là “một hành động được thực hiện với hy vọng đạt được một kết quả tốt”. Ví dụ, ăn thịt lợn cốt lết (Tonkatsu) với hy vọng giành chiến thắng (katsu) trong một cuộc thi như kỳ thi tuyển sinh hoặc kỳ thi , hoặc sử dụng từ “ついている” một cách có ý thức với hy vọng thu hút may mắn vào mình. Thoạt nhìn, nó có vẻ giống như một cách chơi chữ hay một câu thần chú, nhưng thực ra nó chứa đựng nhiều yếu tố quan trọng trong cuộc sống hàng ngày.

Tháng này, chúng ta hãy cùng tìm hiểu sâu hơn về ゲン担ぎ của người Nhật nhé.

ゲン担ぎの由来とは？ Nguồn gốc của ゲン担ぎ là gì?

「ゲン担ぎ」の「ゲン」という言葉は幸運や吉兆を意味し、日本の宗教や風習にも深く関わっています。仏教では「因果応報」といって、人々の行いによって幸福や不幸が訪れるという考え方があります。それが「ゲン担ぎ」にも反映されており、良い行いをすることで幸運を引き寄せると信じられてきました。

また日本人は昔から、言葉にも靈魂が宿っていると思ってきました。口にした言葉が現実に起きると考えられていたのです。ゲン担ぎという風習の根底には、この「言霊」という考え方があるとも言えます。

現代においてもその考え方は引き継がれており、有名なスポーツ選手や著名人がゲン担ぎの為に行っていることが報じられると、それに影響されて真似をする日本人が多くいるのも事実です。まさにゲン担ぎは、行いや言葉を大切にする日本人の知恵であり、日本の文化の一つと言えます。

Từ “ゲン” trong cụm “ゲン担ぎ” có nghĩa là may mắn hay điềm báo tốt, và nó cũng liên quan lớn đến tôn giáo và phong tục của Nhật. Trong Phật giáo, một khái niệm gọi là “因果応報” có nghĩa hạnh phúc hay bất hạnh đến với con người dựa trên luật “nhân quả”. Điều này cũng được phản ánh trong “ゲン担ぎ”, với niềm tin rằng việc làm điều tốt sẽ thu hút may mắn về mình.

Hơn nữa, người Nhật từ lâu đã tin rằng trong từ ngữ cũng chứa đựng linh hồn. Họ tin rằng những từ mình nói ra có khả năng trở thành hiện thực. Có thể nói rằng, trong nền tảng phong tục “ゲン担ぎ” có một quan điểm gọi là “言霊 linh từ”.

Trong thời hiện đại, quan điểm này vẫn được tiếp tục lưu truyền và khi các ngôi sao thể thao hay người nổi tiếng thực hiện hành vi mong cầu may mắn thì nhiều người Nhật bị ảnh hưởng và theo đuổi cùng. Điều này chứng minh việc “ゲン担ぎ” là một trong những trí tuệ của người Nhật trong việc trân trọng hành động và lời nói, và có thể nói rằng đây cũng là một phần của văn hoá Nhật Bản.

日本人が行っているゲン担ぎ Người Nhật thực hiện ゲン担ぎ

ゲン担ぎには、具体的にどんなものがあるでしょうか？日本人が実際に行っているゲン担ぎについて、その一部を見ていきましょう。

ゲン担ぎ cụ thể là những việc như thế nào? Chúng ta cùng xem một phần trong đời sống mà người Nhật thực hiện ゲン担ぎ nhé.

・大事な商談の日には、赤いネクタイを身に着ける

Trong ngày thương thảo quan trọng, sẽ đeo cà vạt màu đỏ

・困難に直面したときは、「ピンチ！」と言わず敢えて「チャンス！」と言う

Khi phải đối mặt với khó khăn người ta ko nói “ピンチ！ khó khăn, khẩn cấp” mà người ta nói “チャンス！ cơ hội”

・仕事がうまくいくように、トイレや玄関を毎日掃除する

Để công việc được thuận lợi, hàng ngày người ta lau dọn sạch sẽ nhà vệ sinh và cửa ra vào

・「ご縁」を呼ぶため、常に五円玉を財布に入れておく

Để mưu cầu “ご縁 duyên” thì người ta cho vào ví đồng 5 yên “go ên”

いかがでしょうか？ゲン担ぎに正解はなく、行い自体に一見関連がなさそうでも、自分にとって前向きな気持ちになれるような行動であればよいということに気づけたのではないのでしょうか。どれも大きな行動というよりは、日常のちょっとした動きに習慣やルール付けをしているようですね。

Các bạn thấy sao ạ? “ゲン担ぎ” không có điều gọi là chính xác đúng cho dù hành động nhìn có vẻ không liên quan gì, nhưng chắc bạn có thể cảm nhận được nếu đó là hành động hay suy nghĩ giúp mình luôn là người tích cực thì rất tốt đúng không ạ. Không nhất thiết phải xem đâu là hành động lớn để thực hiện mà quan trọng là trong cuộc sống thường nhật chỉ với những hành vi nhỏ ta hãy tập thói quen và lên quy tắc cho mình nhé.

自分だけのゲン担ぎを考えてみよう

Ta hãy thử suy nghĩ về ゲン担ぎ cho riêng mình nhé

普段から掃除をすることや身だしなみを整えることはもちろん毎日意識をして欲しい大切なことですが、時には面倒に感じることもあるかと思います。

そんなときは、「お金や良いご縁をたくさん呼ぶために掃除をしよう」「1日気分よく過ごせるように清潔感のある服装をしよう」など、捉え方を変えることでやる気が出て前向きな気持ちになれるかもしれません。

そんな皆さんの姿を見て、相乗効果で周りの人たちも良くなっていけたらとても素敵なことですね！

Thông thường tất nhiên với ý thức hàng ngày các bạn lau quét dọn và mặc trang phục chỉnh tề là những điều rất quan trọng mà chúng tôi mong muốn các bạn thực hiện rồi nhưng đôi khi chúng ta có khi thấy phiền phức.

Những lúc đó ta thay đổi cách nhìn nhận vấn đề như “để có nhiều tiền và nhiều duyên tốt lành thì ta hãy lau dọn sạch sẽ”, “để có một ngày với tâm trạng tốt ta

mặt đồ sạch đẹp sáng sủa” sẽ có thể đạt được tâm trạng tích cực và có năng lượng tốt làm việc cũng nên.

Được nhìn các bạn trong tư thế như vậy những người xung quanh cũng có được ảnh hưởng tốt và cũng trở nên tích cực hơn thì thật là tuyệt vời nhỉ!

おわりに Tóm tắt

参考になることは、ありましたか？ゲン担ぎ自体に、難しいことは何ともありません。自分出来る簡単な習慣を見直すだけでも、ゲン担ぎに繋がるかもしれませんよ。是非、今回のことを皆さんの普段の行動を振り返るきっかけにしてくださいね！

Các bạn có tham khảo được điều gì trên không ạ? Bản thân ゲン担ぎ không có gì là khó cả. Chỉ cần bản thân mình xem xét và sửa những thói quen đơn giản cũng nối kết tới ゲン担ぎ rồi. Lần này, các bạn hãy thử coi là dịp để mình nhìn lại những việc mình hay làm nhé.

未来へつなげる大切なヒント

Gợi ý quan trọng cho tương lai

宿舎や寮の使い方(共同生活を考えましょう)

Cách sử dụng nhà ở và ký túc xá (Cùng suy nghĩ về cuộc sống tập thể)

皆さんは、宿舎や寮に入って共同生活をした経験がありますか？

共同生活は、もう嫌だと思ったことは、ありますか？一人の方が自由で楽だと思いましたが？大勢で生活することは、不自由な面もありますが、仲間と一緒にだからこそ安心できたり一緒にだから楽しいこともたくさんあります。

Các bạn đã từng sống tập thể trong nhà trọ hay ký túc xá (KTX) chưa ạ?

Bạn có bao giờ nghĩ sống trong tập thể là quá đủ rồi không ạ? Bạn có nghĩ sống 1 mình thì tự do và dễ chịu không? Sống cùng với đông người thì tuy có mất mát tự do, nhưng vì ở cùng bạn bè nên cũng có nhiều điều vui và vì cùng nhau nên thấy an tâm.

共同生活する仲間と楽しく生活する方法を考えましょう。

それを身に着けることで宿舎や寮の生活だけでなく、職場でも役に立ちます。

Chúng ta cùng suy nghĩ cách để sống chung vui với các bạn nhé.

Nếu ta tập được thói quen đó thì không chỉ cuộc sống ở nhà trọ hay KTX, mà cũng có ý nghĩa ở nơi làm việc.

共同生活をする際に大切なこと、守るべきことは、仕事をするときも多くの人と関わる現場でも同じです。

Việc rất quan trọng khi ta sống chung là việc tuân thủ việc cần phải tuân thủ, thì nó cũng giống như tại nơi làm việc khi ta làm cùng với nhiều người.

共同生活に規則やルール、マナーがあり仕事現場にも規則やルールがあります。

その規則やルールを守ることはもちろん、マナーを身に着けることで仲間と楽しく生活ができます。

Trong cuộc sống tập thể dĩ nhiên là có những quy tắc và luật lệ, việc ta tuân thủ và quen ứng xử sẽ giúp ta có được cuộc sống dễ chịu với bạn bè.

共同生活の場では、次のようなことが大切

Trong cuộc sống tập thể thường những điều sau rất quan trọng

- ・挨拶をしっかりとる。Làm tốt chào hỏi
- ・共用スペースは「みんなのもの」という意識を持つ Có ý thức rõ về không gian chung của “tất cả mọi người”
- ・自室の管理を徹底する(部屋の整理、整頓) Làm tốt việc liên quan tới phòng riêng (lau dọn sắp xếp gọn gàng)
- ・夜は騒音を出さない(絶対にダメ!) Buổi tối tuyệt đối không gây ồn (tuyệt đối cấm)
- ・相部屋の場合は、「親しき中にも礼儀あり」を意識する

Nếu phòng chung thì cần có ý thức “dù thân quen cũng có lễ nghĩa” (tức là không suồng sã)

(自分が嫌だと思うことは、相手も嫌だと意識する)(Ý thức điều mình không thích thì người kia cũng không thích)

特に共用スペースを気持ちよく使用するために5Sを身につけましょう

Đặc biệt cần làm tốt 5S để nơi sử dụng chung luôn có thể sử dụng một cách dễ chịu

・整理 Sàng lọc ・整頓 Sắp xếp ・清掃 Sạch sẽ ・清潔 Sẵn sàng ・しつけ(ルールを守る習慣) Sẵn sàng (luôn có thói quen tuân thủ luật lệ)

共用スペースの中でもキッチンは、口に入れるものを扱う場所です

Bếp cũng là nơi dùng chung, và là nơi chúng ta nấu nướng đồ ăn

いつでも清潔に保つことがとても大事です。

Luôn giữ sạch sẽ là điều rất quan trọng.

・調理後シンクをきれいに洗っておく Sau khi chế biến thì cần rửa bồn rửa thật sạch

・調理器具や器を洗い元の場所に戻す(調理器具・器の整理整頓)

Dụng cụ chế biến và chén đĩa rửa xong trả lại chỗ cũ (sắp xếp gọn gàng dụng cụ chế biến và chén đĩa)

調理器具は、洗剤だけでなくアルコール消毒もしたほうが良い／特にまな板や包丁はしっかりと

Dụng cụ chế biến ta không chỉ rửa mà nên khử trùng cồn sẽ tốt hơn / đặc biệt là làm vậy với thớt và dao cắt

・生ごみは、水分をきって生ごみ袋に 入り rác tươi, cần rút nước ra rồi cho vào túi rác tươi

・キッチンの床をいつもきれいにする(濡れていないか、ゴミが落ちていないか確認)

・luôn làm sạch khô nền nhà bếp (cần kiểm tra nền có ướt không, hay có rác rơi không)

・食料品(生もの、野菜、調味料、飲み物)の管理 quản lý thực phẩm (đồ tươi, rau, gia vị, hoa quả)

・自分のものと他の人と分かるようにする(特に冷蔵庫など共有する場合など)

・phân chia rõ đồ của mình và của người khác (đặc biệt là nếu ta dùng chung tủ lạnh)

※どのようにすれば次に使う人が気持ちよく使えるかを意識してください。

※Chúng ta hãy có ý thức về việc làm thế nào để người sau sử dụng đồ mà không thấy khó chịu.

トイレも大事です。Và nhà vệ sinh cũng là một nơi rất cần chú ý.

次使う人が気持ちよく使えるようにきれいに使用しましょう。

Để người sau dùng được dễ chịu thì ta nên giữ gìn thật vệ sinh sạch sẽ.

・汚してしまった場合、すぐに掃除する nếu chẳng may dơ mất, thì ta nên dọn sạch ngay

・トイレットペーパーがなくなる前に準備しておく trước khi hết giấy vệ sinh ta nên chuẩn bị sẵn

挨拶、整理・整頓は、仕事でもとても役に立ちます

Việc chào hỏi, sàng lọc・ sắp xếp cũng rất quan trọng trong công việc.

・笑顔で挨拶をすることで上司、仲間に顔をすぐに覚えてもらえ、好感を持ってもらえる

・Từ việc mình tươi cười chào hỏi thì cấp trên, hay đồng nghiệp sẽ nhớ tới khuôn mặt mình và sẽ có được thành ý với mình.

・デスク周り、現場を常にきれいにしておくことで、仕事がかどり大事なものをなくさず、ミスも防ぐことができる

・Từ việc mình dùng bàn, nơi làm luôn sạch sẽ thì không bị mất đồ cần thiết cho công việc, và có thể phòng tránh sai sót.

まとめ Tóm tắt

今回は、「宿舎や寮の使い方(共同生活を考えましょう)」というテーマで進めてきました。共同生活は、いろいろ自由を制限されますが、自由は、社会の法律、規則、ルール、マナーを守ることで個々に保証されます。自分だけ良ければという考えでは、社会生活を続けていくことはできません。一人で生活する場合でも共同生活をする場合でも同じです。これからも楽しく働き、生活するために共同生活のルールやマナーを意識して頑張ってください。

Lần này chúng ta đã cùng suy nghĩ về đề tài “cách sử dụng nhà trọ hay KTX trong cuộc sống tập thể”.

Sống tập thể có thể bị hạn chế nhiều thứ về tự do, nhưng ngược lại tự do được bảo đảm nhờ vào luật pháp xã hội, nguyên tắc, luật lệ và ứng xử.

Nếu ta nghĩ chỉ mình mình thấy thoải mái là được sẽ không thể tiếp tục cuộc sống trong xã hội được.

Về điều này cả cuộc sống một mình hay sống trong tập thể cũng như nhau.

Từ bây giờ trở đi để có cuộc sống và làm việc được thoải mái dễ chịu bạn hãy cố gắng tập ý thức về tuân thủ quy định nguyên tắc và ứng xử trong cuộc sống tập thể nhé.

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

～理解しないと危険！～ 実習現場で使われる口語

～Không hiểu thì vô cùng nguy hiểm～

Khẩu ngữ và biển hiệu dùng ở nơi thực tập

今月は、実習現場でときどき耳にする口語をテスト形式で勉強しましょう。

Tháng này ta cùng học qua bài kiểm tra những từ khẩu ngữ và biến hiệu mà đôi khi ta nghe ở nơi thực tập nhé.

テスト 検査

1. 次の言葉を漢字で書いて、意味を説明してください(/6)

Bạn hãy viết chữ Hán cho những từ dưới đây, và giải thích ý nghĩa

①きけん 漢字: 意味:

②きんし 漢字: 意味:

③ちゅうい 漢字: 意味:

2. 次の口語を丁寧な日本語で書いてください(/12) Bạn hãy viết lại khẩu ngữ sau thành tiếng Nhật thể lịch sự

あぶねえ!

やめろ! /ストップ!

するな! /すんな!

しろ! /やれ!

どけ!

くるな! /くんな!

とまれ! /ストップ!

はいるな! /はいんな!

さわるな! /さわんな!

いそげ!

とれ!

だめ!

注)これらは丁寧な言葉ではないので、皆さんは使わないでください

Chú ý: Do những từ này không lịch sự nên các bạn không dùng nhé.

答え 答案

1. 次の言葉を漢字で書いて、意味を説明してください(/6) Bạn hãy viết chữ Hán cho những từ dưới đây, và giải thích ý nghĩa

きけん 漢字: 危険 意味: あぶないこと Việc nguy hiểm

きんし 漢字: 禁止 意味: してはいけないこと Việc cấm làm

ちゅうい 漢字: 注意 意味: きをつけること Việc cần chú ý

2. 次の口語を丁寧な日本語で書いてください(/12)

Bạn hãy viết lại khẩu ngữ sau thành tiếng Nhật thể lịch sự

あぶねえ! あぶないです Nguy hiểm やめろ! /ストップ! やめてください
Hãy dừng lại(hãy ngừng làm)

するな! /すんな! しないでください Không làmしろ! /やれ! してください Hãy làm

どけ! どいてください Hãy tránh ra くるな! /くんな! こないでください Hãy lại đây

とまれ! /ストップ! とまってください Hãy dừng lại はいるな! /はいんな!
はいらないでください Cấm vào

さわるな! /さわんな! さわらないでください Cấm sờ いそげ! いそいでください Nhanh lên

とれ! とってください Lấy cái đó だめ! してはいけません/よくないです
Không được làm / Không tốt

注)これらは丁寧な言葉ではないので、皆さんは使わないでください

Chú ý: Do những từ này không lịch sự nên các bạn không dùng nhé.

実習生の皆さんへ Gửi các bạn TTS thân mến

満点がとれるように、繰り返し練習してください。

Các bạn hãy luyện tập nhiều lần và cố gắng đạt điểm tối đa nhé.